TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2022/DS-PT
Ngày 25-7 - 2022
"V/v: Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa : Bà Trần Ái Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2022/TLPT-DS ngày 19/5/2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 14 tháng 03 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2022/QĐXX- PT ngày 20 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2022/QĐPT của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B, ông Trần Đình B1; Địa chỉ: Thôn 03, xã E, huyện K, tỉnh Đăk Lăk, đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Huy H - Luật sư Văn phòng luật sư N - Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; Trụ sở: 420 H, phường An B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Công ty M;

Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T - Chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hoàng A - Chức vụ: Chuyên viên pháp chế, có mặt.

Địa chỉ: Số 26 T, phường N, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công ty M - Chi nhánh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Trần Quốc P - Chức vụ: Phó

giám đốc Công ty M - Chi nhánh Đắk Lắk, vắng mặt .

Địa chỉ: 98 N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N- Chi nhánh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Đức L - Chuyên viên xử lý nợ - Ngân hàng N- Chi nhánh Đắk Lắk, có mặt.

Địa chỉ: 168 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Hà Thị Minh T1; Địa chỉ: Thôn 03, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Đình B, người bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn ông Nguyễn Huy H trình bày:

Anh Trần Đình H1 là con đẻ của ông và bà Nguyễn Thị B, anh H1 có vợ là chị Hà Thị Minh T1, anh H1 và chị T1 chưa có con chung.

Anh Trần Đình H1 có vay vốn tại Ngân hàng N- Chi nhánh Đắk Lắk. Tổng số tiền vay hai lần là:

+ Lần 1 vay 300.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502-CV ngày 11/01/2019.

+ Lần 2 vay 100.000.000đồng, theo hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV ngày 21/5/2019.

Khi vay số tiền trên anh H1 có mua bảo hiểm sinh mạng cá nhân của Công ty M Đắk Lắk (viết tắt là Công ty M), theo chỉ định của Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng N) đối với hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502 - CV ngày 11/01/2019, anh H1 thanh toán cho Công ty bảo hiểm số tiền phí bảo hiểm là 1.200.000 đồng và đã được Công ty M cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0226555. Thời hạn bảo hiểm từ ngày 11/01/2019 ngày 11/01/2020.

Ngày 22/11/2019 anh Trần Đình H1 không may bị tai nạn và tử vong. Sau khi anh H1 qua đời, ông B1 bà B đã hoàn tất về thủ tục pháp lý về cái chết của anh H1 và cung cấp cho Ngân hàng để được chi trả do rủi ro về tính mạng đối với số tiền trên.

Ngày 19/8/2020 ông B1, bà B nhận được thông báo của Tổng Công ty M, theo đó Công ty M chỉ đồng ý chi trả cho anh H1 số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng). Tương đương 70% của khoản tiền vay theo đồng tín dụng số 0031/2019/502 - CV ngày 11/01/2019.

Do anh H1 vay của Ngân hàng số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) cho hai hợp đồng vay đều nằm trong hợp đồng chính. Khi vay số tiền

400.000.000 đồng của Ngân hàng anh H1 mua bảo hiểm sinh mạng cá nhân của Công ty M Đắk Lắk do Ngân hàng chỉ định bán để bảo đảm cho khoản vay bao gồm cả gốc và lãi. Tuy nhiên, phía bảo hiểm chỉ đồng ý chi trả cho anh H1 210.000.000 đồng nên nguyên đơn không đồng ý.

Do nhiều lần thương lượng song không có kết quả vì vậy nguyên đơn khởi kiện đến để yêu cầu Tòa án buộc phía Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N số tiền anh H1 đã vay bao gồm gốc là 400.000.000đồng và khoản tiền lãi phát sinh trên tổng số tiền vay gốc từ khi anh H1 chết cho đến nay.

+ Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B thống nhất với phần trình bày của ông Trần Đình B1 và không bổ sung gì thêm.

+ Tại bản tự khai ngày 22 tháng 10 năm 2021 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Bảo Minh ông Nguyễn Hoàng Anh trình bày:

Vào ngày 11/01/2019, Công ty M có cấp giấy chứng nhận Bảo hiểm sinh mạng cá nhân số 0226555 ngày 11/01/2019.(Thời hạn bảo hiểm đến ngày 11/01/2020) cho ông Trần Đình H1 - Số chứng minh nhân dân 24143775. Số tiền Bảo hiểm là 300.000.000đ (Ba trăm triệu). Phạm vi quyền lợi bảo hiểm căn cứ vào quy tắc bảo hiểm sinh mạng cá nhân của bảo hiểm Bảo Minh.

Ngày 22/11/2019 anh Trần Đình H1 không may bị tai nạn và tử vong.

Ngày 23/12/2019 bà B có Giấy yêu cầu trả bảo hiểm: Theo giấy yêu cầu trả bảo hiểm và Giấy chứng tử (lần1) thì anh Trần Đình H1 tử vong tại thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giấy yêu cầu trả bảo hiểm (lần 2) khai báo ông Trần Đình H1 tử vong tại hiện trường tai nạn giao thông.

Tuy nhiên, qua quá trình xác minh Công ty M được biết anh Trần Đình H1, sau khi tai nạn đã được đưa vào điều trị và sau đó tử vong tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng. Không giống như giấy yêu cầu trả Bảo hiểm lần 1 và lần 2 và Giấy chứng tử do người thừa kế hợp pháp của anh H1 cung cấp cho Bảo Minh.

Căn cứ vào Hợp đồng bảo hiểm số 0226555 ngày 11/01/2019, nguyên nhân tử vong của anh Trần Đình H1 thuộc phạm vi được bảo hiểm.

Căn cứ Điều 17 và Điều 18 Quy tắc bảo hiểm; Căn cứ Giấy yêu cầu trả bảo hiểm ngày 23/12/2019 của bà Nguyễn Thị B thì bà B thông báo quá hạn một ngày và không trung thực về địa điểm tử vong. Do không khai báo trung thực và quá thời hạn yêu cầu bồi thường, do đó Bảo Minh sử dụng chế tài trừ 30% số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 Quy tắc bảo hiểm. Do vậy, Công ty M chỉ chấp nhận chi trả cho anh Trần Đình H1 số tiền bảo hiểm là 210.000.000 đồng theo mức: 300.000.000 đồng x 70% = 210.000.000 đồng.

Đối với khoản tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502 - CV ngày 21/5/2019 do khi vay tiền anh H1 không mua bảo hiểm nên Công ty M không có trách nhiệm phải thanh toán khoản tiền này.

Đối với việc phía nguyên đơn yêu cầu Công ty M thanh toán khoản tiền lãi cho hai hợp đồng mà anh H1 đã vay là không có căn cứ bởi Giấy chứng nhận bảo hiểm số Bảo hiểm sinh mạng cá nhân số 0226555 ngày 11/01/2019 là loại hình bảo hiểm cho cá nhân anh H1 chứ không phải bảo hiểm cho khoản vay nên Công ty Bảo Minh không chấp nhận thanh toán bất kỳ khoản tiền lãi như yêu cầu của nguyên đơn.

- *Quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty M Đắk Lắk ông Trần Quốc P trình bày:*

Vào ngày 11/01/2019, Công ty Mcó cấp giấy chứng nhận Bảo hiểm sinh mạng cá nhân số 0226555 ngày 11/01/2019. (Thời hạn bảo hiểm từ ngày 11/01/2019 đến ngày 11/01/2020) cho anh Trần Đình H1, số chứng minh nhân dân 24143775. Số tiền bảo hiểm là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu). Phạm vi quyền lợi bảo hiểm căn cứ vào quy tắc bảo hiểm sinh mạng cá nhân của bảo hiểm Bảo Minh.

Ngày 22/11/2019 anh Trần Đình H1 không may bị tai nạn và tử vong.

Ngày 23/12/2019 bà B có Giấy yêu cầu trả bảo hiểm với nội dung: Theo giấy yêu cầu trả bảo hiểm và Giấy chứng tử (lần1) thì anh Trần Đình H1 tử vong tại thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giấy yêu cầu trả bảo hiểm (lần 2) khai báo ông Trần Đình H1 tử vong tại hiện trường tai nạn giao thông.

Tuy nhiên, qua quá trình xác minh Bảo hiểm M được biết anh Trần Đình H1, sau khi tai nạn đã được đưa vào điều trị và sau đó tử vong tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng. Nên không giống như giấy yêu cầu trả bảo hiểm lần 1 và lần 2 và Giấy chứng tử do người thừa kế hợp pháp của anh H1 cung cấp cho Bảo Minh.

Căn cứ vào Hợp đồng Bảo hiểm số 0226555 ngày 11/01/2019, nguyên nhân tử vong của anh Trần Đình H1 thuộc phạm vi được bảo hiểm.

Căn cứ Điều 17 và Điều 18 Quy tắc bảo hiểm; Căn cứ Giấy yêu cầu trả bảo hiểm ngày 23/12/2019 của bà Nguyễn Thị B thì bà B thông báo quá hạn một ngày và không trung thực về địa điểm tử vong. Do không khai báo trung thực và quá thời hạn yêu cầu bồi thường, do đó Bảo Minh sử dụng chế tài trừ 30% số tiền bảo hiểm theo quy định tại điều 17 và Điều 18 Quy tắc bảo hiểm. Do vậy, Bảo Minh chỉ chấp nhận chi trả cho anh Trần Đình H1 số tiền bảo hiểm là 210.000.000đồng theo mức 300.000.000 đồng x 70% = 210.000.000 đồng.

Như vậy, Công ty M đã thực hiện đúng đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng bảo hiểm. Việc đơn ông Trần Đình B1và bà Nguyễn Thị B yêu cầu Bảo Minh bồi thường đầy đủ số tiền 400.000.000 đồng tiền và tiền lãi cho hai hợp đồng mà anh H1 đã vay là không có căn cứ nên Bảo Minh không chấp nhận.

- *Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Nông Nguyễn Đức L trình bày*:

Anh Trần Đình H1 là khách hàng đã vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Lắk. Theo đó lần thứ nhất anh H1 vay số tiền 300.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502 - CV ngày 11/01/2019. Khi vay khoản tiền trên anh Trần Đình H1 có tham gia bảo hiểm sinh mạng cá nhân số 0226555 ngày 11/01/2019 số tiền bảo hiểm là 300.000.000đồng (Thời hạn bảo hiểm từ ngày 11/01/2019 đến hết ngày 11/01/2020). Ngoài khoản tiền nói trên thì vào ngày 21/5/2019 anh H1 vay tiếp của Ngân hàng Nsố tiền 100.000.000đồng, theo hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV ngày 21/5/2020. Khoản vay này anh H1 không mua bảo hiểm.

Sau khi vay, anh H1 đã thanh toán tiền lãi cho hai hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502 - CV ngày 11/01/2019 và hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502 - CV ngày 21/5/2019 đến hết ngày 11/7/2019

Ngày 22/11/2019 anh Trần Đình H1 không may bị tai nạn và tử vong. Hiện nay hai khoản vay nói trên chưa được thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nợ gốc nào và tiền lãi còn nợ lại từ ngày 12/7/2019 cho đến nay.

Nay ông Trần Đình B1 và bà Nguyễn Thị B khởi kiện để yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải thanh toán khoản tiền bảo hiểm cho anh H1. Quan điểm của Ngân hàng N là: Do anh H1 mua bản hiểm là để bảo hiểm cho khoản vay với số tiền bảo hiểm 300.000.000đồng của Hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502-CV ngày 11/01/2019, nay khách hàng Trần Đình H1 chết thì đề nghị Tòa án buộc Công ty M phải chi trả khoản tiền bảo hiểm theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0226555 ngày 11/01/2019 số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng cho Hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502-CV ngày 11/01/2019 ký kết giữa Ngân hàng N với anh Trần Đình H1. Đối với khoản vay 100.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV ngày 21/5/2019 do khi vay tiền anh H1 không mua bảo hiểm nhưng có thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0007/2019/502 - BĐ ngày 11/01/2019 đã được công chứng tại phòng Công chứng số 3 tỉnh Đắk Lắk và khoản tiền lãi anh H1 còn nợ. Nên sau này nếu không thu hồi được nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện để thu hồi nợ sau.

Quá trình giải quyết vụ án chị Hà Thị Minh T1 trình bày:

Chị Hà Thị Minh T1 là vợ pháp của anh Trần Đình H1, sau khi kết hôn với anh H1 chị được biết vào ngày 11/01/2019 ông H1 có ký hợp đồng tín dụng số

0031/2019/502-CV ngày 11/01/2019 với Ngân hàng N theo đó anh H1 có vay Ngân hàng số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay khoản tiền này anh H1 có mua bảo hiểm cho khoản vay nói trên tại Công ty M - Chi nhánh Đắk Lắk và đã được Công ty M chấp nhận bảo hiểm số 0226555 ngày 11/01/2019. Ngoài ra vào ngày 21/5/2019 anh H1 lại vay tiếp của Ngân hàng Nsố tiền 100.000.000 đồng, theo hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502 - CV ngày 21/5/2020. Sau khi vay anh H1 không may bị tai nạn qua đời, hiện nay khoản vay trên đã đến hạn thanh toán nhưng chưa thanh toán cho Ngân hàng được khoản tiền nào cả. Nay ông B bà B1khởi kiện yêu cầu Công ty M thanh toán khoản tiền 400.000.000 đồng và khoản tiền lãi suất phát sinh theo hai hợp đồng mà anh H1 đã vay của Ngân hàng Ncho Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á. Quan điểm của chị Hà Thị Minh T1 là đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Bông, bà B, đề nghị Tòa án buộc Công ty M thanh toán toàn bộ số tiền mà anh H1 đã vay là 400.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo hợp đồng cho Ngân hàng N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề và nghị HĐXX buộc Công ty M thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh của hai Hợp đồng tín dụng mà anh Trần Đình H1 đã vay.

Tại bản án số: 11/2022/DS-ST ngày 14/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 385, Điều 401, Điều 405, Điều 415 Bộ luật dân sự; các Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, điểm c khoản 2 Điều 17 điểm d khoản 2 Điều 18, Điều 31, Điều 32 và Điều 33 Luật kinh doanh bảo hiểm; Điều 8, Điều 10, Điều 11, điều 13 Quy tắc bảo hiểm kết hợp con người hành kèm theo Quyết định số 1504/2018 BM-CN ngày 17/8/2018 của Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm Bảo Minh;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình B1và bà Nguyễn Thị B.

Buộc Công ty M Đắk Lắk - Tổng Công ty M có nghĩa vụ chi trả số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 0226555 ngày 11/01/2019 giữa anh Trần Đình H1 với Công ty M. Thụ hưởng số tiền bảo hiểm là Ngân hàng N- Chi nhánh Đắk Lắk, để trả khoản vay gốc 300.000.000 đồng của

anh Trần Đình H1, theo hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502-CV ngày 11/01/2019.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình B1và bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu Công ty M có nghĩa vụ chi trả số tiền 100.000.000đồng cho hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV ngày 21/5/2019 và khoản tiền lãi suất phát sinh của số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502-CV ngày 11/01/2019 và hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV ngày 21/5/2019.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/3/2022, bị đơn Công ty M kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án số: 11/2022/DSST ngày 14/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án theo hướng: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 29/3/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B và ông Trần Đình B1 kháng cáo một phần nội dung của bản án số: 11/2022/DSST ngày 14/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột. Đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung bản án theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Đình B1, bà Nguyễn Thị B và bị đơn Công ty M Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Ngày 11/01/2019 anh Trần Đình H1 ký hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502-CV với Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Lắk. Theo đó anh H1 vay số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay, anh H1 đã mua bảo hiểm sinh mạng của Công ty M để đảm bảo cho việc trả nợ khoản vay, anh H1 đã đóng khoản tiền phí bảo hiểm là 1.200.000 đồng và Công ty M đã chấp nhận bảo hiểm và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0226555 ngày 11/01/2019 cho anh H1. Hiệu lực bảo hiểm từ ngày 11/01/2019 đến ngày 11/01/2020, thụ hưởng thứ nhất là Ngân hàng N, người thụ hưởng thứ hai là anh Trần Đình H1. Khi ký kết hợp đồng bảo hiểm giữa Công ty M với anh H1, các bên tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Sau khi ký kết hợp đồng, ngày 22/11/2019 anh H1 tử vong là trong thời hạn bảo hiểm, nên bố mẹ anh H1 là bà Nguyễn Thị B và ông Trần Đình yêu cầu Công ty M chi trả tiền bảo hiểm cho anh H1 là hoàn toàn có căn cứ.

[2.2] Việc phía bị đơn cho rằng do sau tai nạn anh H1 được đưa vào đều trị tại bệnh viện sau đó tử vong tại tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên Giấy chứng tử (lần1) thì ông Trần Đình H1 tử vong tại thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Giấy yêu cầu trả bảo hiểm (lần 2) khai báo anh Trần Đình H1 tử vong tại hiện trường tai nạn giao thông, thực tế anh Trần Đình H1, sau khi tai nạn đã được đưa vào điều trị và sau đó tử vong tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng, hơn nữa anh H1 chết ngày 22/11/2019 nhưng đến ngày 23/12/2019 gia đình mới yêu cầu bảo hiểm là quá thời hạn bảo hiểm nên phía bị đơn căn cứ Điều 17 và Điều 18 Quy tắc bảo hiểm chấp nhận thanh toán cho anh H1 70% của khoản vay với số tiền được chi trả là 210.000.000 đồng là không đúng quy định. Bởi: Việc Công ty M và anh H1 ký hợp bảo hiểm là hoàn toàn tự nguyện, anh H1 tử vong do tai nạn là đúng thực tế, anh H1 tử vong trong thời hạn bảo hiểm, Công ty M phải thực hiện theo đúng hợp đồng bảo hiểm đã cấp. Hơn nữa anh H1 là người mua bảo hiểm của Công ty M, nếu quá trình tham gia bảo hiểm thì chỉ anh H1 được tư vấn về quyền lợi và nghĩa vụ khi tham gia bảo hiểm, bản thân ông B1, bà B không tham gia bảo hiểm, ông B1, bà B thuộc diện hộ nghèo nên việc tiếp cận các thông tin nói chung, thông tin liên quan đến bảo hiểm nói chung (Quy tắc bảo hiểm của Bảo Minh nói riêng) bị hạn chế. Mặt khác, sau khi anh H1 chết, trong lúc tang gia, nên bà B đã nộp đơn yêu cầu bảo hiểm chậm một ngày so với quy định Công ty M. Tuy nhiên, việc ông B1 bà B khai địa điểm anh H1 tử vong ban đầu không trùng khớp với địa điểm anh H1 tử vong thực tế và việc ông B1, bà B nộp đơn yêu cầu bảo hiểm chậm một ngày so với quy định của Công ty M không làm thay đổi bản chất cái chết của anh H1 và không ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty M. Việc Công ty M cho rằng ông Bông, bà B khai sai địa điểm anh H1 chết và yêu cầu bảo hiểm chậm một ngày so với quy định của Công ty M nên chỉ chi trả cho anh H1 số tiền

tương đương 70% mức tiền bảo hiểm là không phù hợp. Do vậy, cần buộc Công ty M Đắk Lắk - Tổng Công ty M có nghĩa vụ chi trả số tiền bảo hiểm là 300.000.000đồng cho anh Trần Đình H1, thụ hưởng số tiền là Ngân hàng N là có căn cứ.

[2.3] Đối với việc phía nguyên đơn cho rằng ngoài khoản vay 300.000.000đồng mà anh H1 đã vay Ngân hàng N ngày 11/01/2019, vào ngày 21/5/2019 anh H1 vay tiếp của Ngân hàng N số tiền 100.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV. Do vậy, ông B1, bà B yêu cầu Công ty M phải chi trả 100.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV cho anh H1. Hội đồng xét xử xét thấy việc ngày 21/5/2019 anh H1 vay tiếp của Ngân hàng N số tiền 100.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV là có thật. Tuy nhiên, khi vay khoản tiền nói trên anh H1 không mua bảo hiểm cho khoản tiền này. Hơn nữa, Hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV và Hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502-CV là hai hợp đồng độc lập, không liên quan gì với nhau, mục đích vay và thời điểm vay hoàn toàn khác nhau. Do vậy, việc ông B1 bà B yêu cầu Tòa án buộc Công ty M phải chi trả cho anh H1 khoản tiền bảo hiểm 100.000.000đồng cho hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV là không có căn cứ nên HĐXX bác yêu cầu này của ông B1 bà B là phù hợp.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Đình B1 và bà Nguyễn Thị B còn yêu cầu Công ty M thanh toán khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV và Hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502-CV. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trần Đình H1 được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm đối với số tiền 300.000.000đồng, ngoài ra trong giấy chứng nhận bảo hiểm không thể hiện bất kỳ khoản tiền nào khác. Phía bị đơn cũng như người đại diện của Ngân hàng N cùng khẳng định Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0226555 ngày 11/01/2019 chỉ bảo hiểm cho số tiền 300.000.000 đồng. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của ông B1 bà B.

Do đó, kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Đình B1, bà Nguyễn Thị B và bị đơn Công ty M không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 14/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma thuột là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Trần Đình Bông, bà Nguyễn Thị B và bị đơn Công ty M phải chịu án phí DSPT theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông B1và bà B là hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[4].Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 385, Điều 401, Điều 405, Điều 415 Bộ luật dân sự; các Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, điểm c khoản 2 Điều 17

Điều 18, Điều 31, Điều 32 và Điều 33 Luật kinh doanh bảo hiểm; Điều 8, Điều 10, Điều 11, điều 13 Quy tắc bảo hiểm kết hợp con người hành kèm theo Quyết định số 1504/2018 BM-CN ngày 17/8/2018 của Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm Bảo Minh;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

[1] Không chấp nhận đơn kháng cáo của nông Trần Đình B1 và bà Nguyễn Thị B.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn Công ty M .

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2022/DS-ST ngày 14/03/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Tuyên xử : Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình B1 và bà Nguyễn Thị B.

Buộc Công ty M Đắk Lắk - Tổng Công ty M có nghĩa vụ chi trả số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng theo giấy chứng nhận bảo hiểm số 0226555 ngày 11/01/2019 giữa anh Trần Đình H1 với Công ty M. Thụ hưởng số tiền bảo hiểm là Ngân hàng N - Chi nhánh Đắk Lắk, để trả khoản vay gốc 300.000.000 đồng của anh Trần Đình H1, theo hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502-CV ngày 11/01/2019.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đình B1 và bà Nguyễn Thị B về việc yêu cầu Công ty M có nghĩa vụ chi trả số tiền 100.000.000 đồng cho hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV ngày 21/5/2019 và khoản tiền lãi suất phát sinh của số tiền nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 0031/2019/502-CV ngày 11/01/2019 và hợp đồng tín dụng số 0556/2019/502-CV ngày 21/5/2019.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí DSST:

Buộc Công ty M - Tổng Công ty M phải chịu án phí 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho ông Trần Đình B1 và bà Nguyễn Thị B.

[3.2] Về án phí DSPT:

Ông Trần Đình B1 và bà Nguyễn Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Công ty M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012647 ngày 12/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm